

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm và lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 66/TTr-SGTVT ngày 24 tháng 05 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 6 năm 2024 và sửa đổi các thủ tục hành chính số: 34, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 phụ lục kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Sửa đổi các thủ tục hành chính số: 16, 17, 18, 19, 20, 21 kèm theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực Đường bộ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Giao thông vận tải;
- UBND các huyện, thành phố (t/h);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + PCVP Tạ Văn Lực (đ/b);
  - + Phòng Hạ tầng kỹ thuật (đ/b);
  - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn Thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.NTT

**CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM VÀ**  
**LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính mới ban hành</b>								
<b>I.1</b>	<b>Lĩnh vực Đăng kiểm</b>								
1	1.001322.H34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế; - Nếu kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 139/2018/NĐ ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 30/2023/NĐ CP ngày 0/6/2023 của Chính phủ.	x	x	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			chức thành lập đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.						
2	1.001296.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;</li> <li>- Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động:</li> <li>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 139/2018/NĐ ngày 08/10/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 30/2023/NĐ CP ngày 0/6/2023 của Chính phủ;</li> </ul>	x	x	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			ngày nhận được thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi. + Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.						
<b>I.2</b>	<b>Lĩnh vực Đường bộ</b>								
3	2.000769. H34	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện			
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích	
		khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động				ngày 07/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.				
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</b>									
<b>II.1</b>	<b>Lĩnh vực Đường bộ</b>									
1	1.002835.000.00.H34	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe	- Người học lái xe nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo; - Cơ sở đào tạo nộp tại	- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần;	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao	x		x	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
				Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
2	1.002820.000.00.00.H34	Cấp lại Giấy phép lái xe	- Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng: + Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			<p>đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị mất, quá</p>		<p>thực hành: 60.000 đồng/lần; + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần</p>	<p>ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>			



STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.						
3	1.002809.000.000.H34	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> </ul>	x	x	x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
						- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
4	1.002801.000.00.00.H34	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
5	1.002804.000.00.00.H34	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
						vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
6	1.002796.000.000.H34	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
7	1.002793.000.000.H34	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông	x		x

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
		khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam				vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
8	1.002030.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp lần đầu giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.			trưởng Bộ Tài chính.			
9	2.000872.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp có thời hạn giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biên số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.						
10	1.001919.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biên số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
11	1.001896.000.00.00.H34	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng:</li> <li>+ Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;</li> <li>+ Cấp đổi biển số: trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.</li> <li>- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn:</li> <li>+ Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;</li> <li>+ Thời hạn kiểm tra: 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương thời hạn</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;</li> <li>- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;</li> <li>- Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. + Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.						
12	2.000847.000.00.00.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	- Thời hạn Sở thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn đăng tải: 15 ngày; - Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký: 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		



STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
13	2.000881.000.0 0.00.H34	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		
14	1.002007.000.0 0.00.H34	Di chuyển đăng ký xe máy	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ	Không	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
		chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	đầy đủ theo quy định	hành chính công		ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.			
15	1.001994.000.00.00.H34	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyên đến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;</li> <li>- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;</li> <li>- Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	x		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
			thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.						
16	1.001826.000.00.00.H34	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	x		